TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 135/2019/QĐST-HNGĐ	

K, ngày 09 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 119/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Anh Lưu Văn H, sinh năm 1970.

Bị đơn: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: Số 34, đường Đ, khu phố X, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Quỹ tín dụng A

Địa chỉ: ấp C, xã A, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1983 – chức vụ: Phó Giám đốc – Thành viên Hội đồng quản trị. (Văn bản ủy quyền ngày 18/6/2019)

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lưu Văn H và chị Vũ Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh Lưu Văn H và chị Vũ Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 người con chung là Lưu Ngọc L, sinh ngày 30/11/1999 và Lưu Ngọc M, sinh ngày 17/5/2005. Cháu Lưu Ngọc L đã thành niên anh H và chị H không yêu cầu giải quyết. Theo nguyện vọng của cháu M và theo thỏa thuận của anh H và chị H về cháu Lưu Ngọc M như sau: Giao cháu Lưu Ngọc M cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc con theo quy định của pháp luật, không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom và chăm sóc con chung.

Bảo lưu quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung của các đương sự khi có yêu cầu.

- Về tài sản chung: Anh H và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh H và chị H có nợ Quỹ tín dụng A số tiền 200.000.000 đồng tại hợp đồng tín dụng số 180377 ngày 05/12/2018. Tuy nhiên, Quỹ tín A không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Vì vậy, nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết thành một vụ án khác.

- Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng. Anh H tự nguyện nộp toàn bộ án phí hôn nhân là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh H đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu số 0004387 ngày 13/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Hoàn trả cho anh H số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện K;
- CC THA DS huyện K
- UBND thị trấn K
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Diễm